

Bản án số: 50/2020/HS-PT

Ngày: 24/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sự.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ;

Bà Hà Thị Thanh Nữ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 398/2019/TLPT-HS ngày 12 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Tấn Th, Huỳnh Anh T, Dương Phi H do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 416/2019/HS-ST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Tấn Th**; giới tính: Nam; nơi cư trú: phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 09/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Thanh T và bà Mai Thị Ngọc B; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất, chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 258 ngày 17-10-2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B.

2. Họ và tên: **Huỳnh Anh T**; giới tính: Nam; nơi cư trú: phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 08/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Huỳnh Văn N và bà Ngô Thị Kim T; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ tên Nguyễn Kim L và có một con sinh ngày 11/6/2019; tiền án, tiền sự: không; bị

bắt tạm giữ ngày 08/10/2018, chuyển tạm giam theo lệnh số 528 ngày 17/10/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Ngày 29/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh theo quyết định số 8525.

3. Họ và tên: **Dương Phi H**; giới tính: Nam; nơi cư trú: phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 10/12; nghề nghiệp: Thợ cơ khí, con ông Dương Xuân D và bà Trần Thị Th; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai, chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 08/10/2018, chuyển tạm giam theo lệnh số 527 ngày 17/10/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Ngày 29/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh theo quyết định số 8526.

Bị hại trong vụ án là anh Nguyễn Cao L, do người bị hại không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 07-10-2018, sau khi đã uống rượu (bia), Huỳnh Anh T điều khiển xe mô tô biển số 52X1-244.19 chở Nguyễn Tấn Th và Dương Phi H ra về. Khi cả 3 chở nhau đi ngang qua Đình T.P, thuộc ấp L, xã T (nay là phường T), thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì thấy có nhóm thanh niên đang ngồi chơi dùm tay vầy nên T điều khiển xe chở Th và H quay lại Đình T.P. Lúc này tại Đình T.P có anh Nguyễn Cao L, ngụ tại xã P, thành phố B cùng các anh chị Nguyễn Quốc N, Nguyễn Mạnh H, Bùi Xuân Th, Lâm Ngọc Th, Nguyễn Thị Trà M, Nguyễn Trần Huyền Ng và Ngô Thị Diễm M đang ngồi chơi trong sân Đình. Tuân dùm xe trước cổng Đình, Th xuống xe đi lại chỗ nhóm anh L để nói chuyện. Trong khi nói chuyện với anh L và các bạn của anh L, Th cho rằng anh L coi thường và nhăm tuồng trong nhóm anh L có người chửi Th, nên Th nhặt 01 (một) thanh gỗ dài 15cm, đường kính khoảng 08cm ném về phía anh L làm cho anh L bị thương ở đầu. Thấy Th ném anh L, H xông vào đánh anh L bằng tay, T cầm 01 (một) cục đá đường kính khoảng 07cm xông vào đánh 02 cái vào đầu của anh L. Sau đó Th tiếp tục xông vào cùng H và T dùng tay đánh anh L

thì được can ngăn nên Th, H, T không đánh anh L nữa mà lên xe bỏ đi. Anh L được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai điều trị. Hậu quả: anh Nguyễn Cao L bị thương với tỷ lệ thương tật 51%.

Vật chứng: 01 (một) xe mô tô biển số 59X1-244.19, số khung 55P10CY-124576, số máy 55P1-124585 quá trình điều tra làm rõ xe thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Văn N (là bố của T). Ông N để xe ở nhà và T tự ý lấy để sử dụng. Ông N không biết việc T sử dụng xe vào việc phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại xe cho ông N.

Đối với 01 (một) thanh gỗ dài 15cm, đường kính khoảng 08cm và 01 (một) cục đá đường kính khoảng 07cm sau khi gây án T và Th đã vứt bỏ, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

* Tại bản kết luận giám định thương tật số 0808/GDPY/2018 ngày 16/10/2018 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Đồng Nai, kết luận anh Nguyễn Cao L bị tổn thương như sau:

+ Tổn thương dập xuất huyết não thái dương phải kích thước 1,7x 02 cm (áp dụng Chương 2, điều III, mục 1). Tỷ lệ: 31%.

+ Tổn thương nứt lõm sọ (lún sọ) thái dương phải kích thước 2,6 x 2,7 cm, điện não đồ có hội chứng suy nhược (áp dụng Chương 2, điều I, mục 4.4). Tỷ lệ: 21%.

+ Vết thương trán lệch phải kích thước 3,5 x 0,3 cm, bờ mép nham nhở, xấu về thẩm mỹ (Áp dụng chương 9, điều II, mục 1). Tỷ lệ: 07%.

+ 02 sẹo vùng đỉnh đầu kích thước 04 x 0,3cm và 01 x 0,3 cm (áp dụng Chương 9, điều I, mục 1). Tỷ lệ: 03%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể (áp dụng phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 51%. Vật gây thương tích là vật tày.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 416/2019/HS-ST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định:

+ Căn cứ điểm a, i khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s, p khoản 1, 2 Điều 51, 54, 58 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Tấn Th 04 (bốn) năm tù;

+ Căn cứ điểm a, i khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, 54, 58 Bộ luật hình sự xử phạt Huỳnh Anh T 04 (bốn) năm tù, xử phạt Dương Phi H 03 (ba) năm tù.

Ngày 17/9/2019 các bị cáo Th, T, H có đơn kháng cáo về hình phạt của

bản án sơ thẩm, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt với lý do mức hình phạt quá nặng so với hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, không giao nộp thêm chứng cứ mới.

Các bị cáo không tranh luận với ý kiến của Kiểm sát viên.

Tại phần nói lời sau cùng, các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

*** Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:**

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp về nội dung, hình thức và trong thời hạn nên xem xét giải quyết.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội: “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét tất cả các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo và xử bị cáo Nguyễn Tấn Th, Huỳnh Anh T cùng 04 (bốn) năm tù, bị cáo Dương Phi H 03 (ba) năm tù. Mức án tù trên là phù hợp, đã có sự chiếu cố, không nặng so với tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của từng bị cáo. Các bị cáo kháng cáo xin giảm mức hình phạt nhưng không có tình tiết gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại các Điều 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Tấn Th, Huỳnh Anh T, Dương Phi H khai nhận hành vi phạm tội đúng như mô tả tại bản án sơ thẩm, thể hiện: Vào khoảng 21 giờ ngày 07/10/2018, tại đình T.P, xã T (nay là phường T), thành phố B, tỉnh Đồng Nai sau khi đã uống rượu cho rằng anh Nguyễn Cao L coi thường và những người bạn của anh L chửi Nguyễn Tấn Th nên Th, Huỳnh Anh T, Dương Phi H đã có hành vi dùng 01 (một) thanh gỗ dài khoảng 15cm, đường kính khoảng 08cm, 01 cục đá đường kính khoảng 07cm và dùng tay đánh anh L gây thương tích với tỷ lệ thương tật 51%. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh “Cố ý gây thương tích” và áp dụng hình phạt

theo quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về mức hình phạt áp dụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo Th, T, H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và bị hại cũng đã làm đơn bãi nại cho các bị cáo. Cấp sơ thẩm áp dụng thêm tình tiết là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ 03 (ba) tháng tuổi đối với bị cáo T; áp dụng thêm tình tiết là lao động nghèo đối với bị cáo H; áp dụng thêm tình tiết là người khuyết tật nặng đối với bị cáo Th. Do các bị cáo đều có từ hai đến ba tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 và có tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt cho các bị cáo dưới khung hình phạt là có căn cứ.

Trên cơ sở đã phân hóa tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo, theo đó bị cáo Th là người khởi xướng, dùng hung khí là thanh gỗ, bị cáo T tham gia tích cực, trực tiếp dùng hung khí là cục đá, bị cáo H tham gia tích cực, dùng tay đã cùng nhau gây thương tích cho bị hại với mức thương tích lên đến 51%. Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Th, Huỳnh Anh T cùng 04 (bốn) năm tù, xử phạt bị cáo Dương Phi H 03 (ba) năm tù là đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo.

[4] Các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không đưa ra được tình tiết hay chứng cứ gì khác nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5] Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tấn Th, Huỳnh Anh T, Dương Phi H, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 416/2019/HS-ST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B.

- Căn cứ điểm a, i khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s, p khoản 1, 2 Điều 51, 54, 58 Bộ luật hình sự và Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Tấn Th** 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm a, i khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, 2 Điều 51, 54, 58 Bộ luật hình sự và Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt:

+ Bị cáo **Huỳnh Anh T** 04 (bốn) năm tù thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 08/10/2018 đến ngày 29/10/2018.

+ Bị cáo **Dương Phi H** 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 08/10/2018 đến ngày 29/10/2018.

2. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp tỉnh, huyện;
- TAND cấp sơ thẩm;
- Sở Tư pháp;
- Công an cấp quận, huyện;
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Phòng PV27- Công an tỉnh;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam;
- Bị cáo, đương sự trong vụ án;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sự